

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2026

V/v Tranh chấp về yêu cầu không công nhận vợ
chồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần.

2. Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026, về việc “Tranh chấp về yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1975; CCCD số: 092175003104; thường trú: Khu phố T, phường T, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: 32A/6, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lý Lập T, sinh năm 1963; CCCD số: 074063001303; thường trú: Tổ B, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N và ông Lý Lập T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2014 đến nay mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên lớn tiếng cãi vã nhau nên xác định tình cảm không còn. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý

Lập T, do ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án tuyên không phải là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng có 01 con chung tên Lý Mẫn N1, sinh ngày 01/6/2003. Do con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lý Lập T trình bày:*

Ông Lý Lập T và bà Lê Thị N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2014 đến nay bà N và ông T mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên lớn tiếng cãi vã nhau nên xác định tình cảm không còn. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị N, do ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án tuyên không phải là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lý Mẫn N1, sinh ngày 01/6/2003. Do con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy, bị đơn thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với bị đơn ông Lý Lập T có nơi cư trú địa chỉ: Tổ B, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về yêu cầu không công nhận vợ chồng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Lý Lập T thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng đến nay hai người không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Lời thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với kết quả Giấy xác nhận ngày 22/6/2026 của tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ “*Qua rà soát tàng thư hộ tịch, phần mềm hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của bà Lê Thị N*”.

Xét thấy, bà N và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, có đầy đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà N và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, việc bà N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng, bà N và ông T có 01 con chung tên Lý Mẫn N1, sinh ngày 01/6/2003 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 14, 15, 16, 51, 53, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bị đơn ông Lý Lập T về việc “tranh chấp tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Lý Lập T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông T có 01 con chung tên Lý Mẫn N1, sinh ngày 01/6/2003 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0036565 ngày 10/6/2026 của Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cảnh Khang